

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



slim interface relay, Harmony Electromechanical Relays, pre assembled, 6A, 1CO, with LED, screw connec to rs, 110V AC/DC

RSL1PVFU

! Ngừng sản xuất

! Ngừng sản xuất vào: 1 thg 11, 2020

Main

Range Of Product	Harmony Electromechanical Relays
Series Name	Interface relay
Product Or Component Type	Pre-assembled plug-in relay with socket
Device Short Name	RSL
Contacts Type And Composition	1 C/O
Contact Operation	Standard
[Uc] Control Circuit Voltage	110 V AC/DC
[Ithe] Conventional Enclosed Thermal Current	6 A at -40...55 °C
Status Led	With
Shape Of Pin	Flat (PCB type)

Complementary

Fixing Mode	Plastic compression spring
Average Resistance	20500 Ohm network: DC at 23 °C +/- 10 %
[UI] Rated Insulation Voltage	250 V conforming to IEC 277 V conforming to cUL
[Uimp] Rated Impulse Withstand Voltage	6 kV conforming to IEC
Contacts Material	Silver alloy (AgSnO2)
[Ie] Rated Operational Current	6 A 1 C/O (AC-1/DC-1) conforming to IEC/UL
Minimum Switching Current	100 mA
Maximum Switching Voltage	277 V
Minimum Switching Voltage	12 V
Maximum Switching Capacity	1500 VA 150 W
Minimum Switching Capacity	120 mW
Operating Rate	<= 72000 cycles/hour no-load <= 360 cycles/hour under load
Mechanical Durability	10000000 cycles
Electrical Durability	60000 cycles for resistive load, 6 A at 250 V, AC-1
Operating Time	5 ms reset 12 ms

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

Reset Time	20 ms
Marking	CE
Protection Category	RT III
Test Levels	Level A group mounting
Operating Position	Any position
Height	78.6 mm
Width	6.2 mm
Depth	95 mm
Terminals Description Iso N°1	(A1-A2)CO (11-12-14)OC
Sale Per Indivisible Quantity	10
Net Weight	0.029 kg
Load Current	6 A at 250 V AC 0.5 mm mounting distance
Average Coil Consumption	0.17 W, DC
Drop-Out Voltage Threshold	>= 0.05 Uc
Contact Terminal Arrangement	Separate
Connections - Terminals	Screw connectors, 1 x 0.2...1 x 2.5 mm² (AWG 24...AWG 14) flexible with cable end Screw connectors, 1 x 0.2...1 x 2.5 mm² (AWG 24...AWG 14) solid without cable end
Tightening Torque	< 0.5 N.m for M2.5 screw(s)
Safety Reliability Data	B10d = 60000
Control Type	Without push-button
Mounting Support	35 mm symmetrical DIN rail
Device Presentation	Complete product

Environment

Input Voltage	110 V AC/DC (input voltage limit: 88...126.5 V)
Dielectric Strength	1000 V AC between contacts 4000 V AC between coil and contact
Standards	CSA C22.2 No 14 IEC 61810-1 UL 508
Product Certifications	CSA UL GOST
Ambient Air Temperature For Storage	-40...85 °C
Vibration Resistance	10 gn, amplitude = +/- 1 mm (f = 10...150 Hz)10 cycles not operating conforming to IEC 60068-2-6 5 gn, amplitude = +/- 1 mm (f = 10...150 Hz)10 cycles in operation conforming to IEC 60068-2-6
Ip Degree Of Protection	IP40 conforming to IEC 60529
Shock Resistance	10 gn (duration = 11 ms) for in operation conforming to IEC 60068-2-27 5 gn (duration = 11 ms) for not operating conforming to IEC 60068-2-27
Ambient Air Temperature For Operation	-40...70 °C

Packing Units

Unit Type Of Package 1	PCE
------------------------	-----

Number Of Units In Package 1	1
Package 1 Height	7.000 cm
Package 1 Width	8.600 cm
Package 1 Length	10.300 cm
Package 1 Weight	28.000 g
Unit Type Of Package 2	BB1
Number Of Units In Package 2	10
Package 2 Height	7.000 cm
Package 2 Width	8.600 cm
Package 2 Length	10.300 cm
Package 2 Weight	312.000 g
Unit Type Of Package 3	S03
Number Of Units In Package 3	300
Package 3 Height	30.000 cm
Package 3 Width	30.000 cm
Package 3 Length	40.000 cm
Package 3 Weight	9.925 kg

Contractual warranty

Warranty	18 months
----------	-----------

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch RoHS/REACH

Hiệu suất sức khỏe

✓	Reach Free Of Svhc	
✓	Toxic Heavy Metal Free	
✓	Mercury Free	
✓	Rohs Exemption Information	Yes
✓	Toxic Free	
✓	Phenolic Free Solution	

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation	REACH Declaration
Eu Rohs Directive	Pro-active compliance (Product out of EU RoHS legal scope) EU RoHS Declaration
China Rohs Regulation	China RoHS declaration
Environmental Disclosure	Product Environmental Profile
Weee	The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins
Circularity Profile	End of Life Information

Dimensions

